

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/ HS-ST
Ngày 03 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân: bà Lý Thị Dung – Nguyên giáo viên, đã nghỉ hưu và bà Đinh Thị Lưu.

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên tòa: ông Lương Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST – HS, ngày 02/7/2020, theo Quyết G đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST - HS, ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/HSST – QĐ, ngày 24/7/2020 đối với bị cáo:

- **Bùi Văn N** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/9/1996 tại xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký HKTT tại và cư trú: bản K, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo, Đảng phái, D thể: Không. Con ông Bùi Văn T và bà Đinh Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến ngày 15/5/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: anh Bùi Văn D, sinh ngày 18/12/1986; Nơi cư trú: bản K, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (vắng mặt, có lý do).

2. anh Bùi Văn A, sinh ngày 06/12/2004; Nơi cư trú; xóm S, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của Bùi Văn A: ông Bùi Văn B, sinh năm 1971; xóm S, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (là bố đẻ anh A, có mặt).

3. anh Đặng Văn E, sinh năm 1993; Nơi cư trú; khu Trung Tâm X, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, có lý do).

4. bà Đinh Thị G, sinh năm 1977; Nơi cư trú: xóm S, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn N là cháu họ của anh Bùi Văn D, (*mẹ của Bùi Văn N, Bùi Văn A và vợ của anh Bùi Văn D là chị em ruột*) do biết gia đình anh D mới được nhận tiền bồi thường của công trình xây dựng thủy điện M. Ngày 26/4/2020 N rủ Bùi Văn A, sinh ngày 06/12/2004, trú tại xóm S, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình đi cạy kết sắt của gia đình anh D để trộm cắp tài sản. A đồng ý và bảo N chuẩn bị cho A xà cày, tô vít.

Khoảng 17 giờ ngày 27/4/2020 Bùi Văn N lấy 01 chiếc xà cày và đưa cho A để sử dụng cạy phá kết sắt. Khoảng 8 giờ ngày 28/4/2020 N tiếp tục đưa cho A 01 chiếc tua vít, 01 đôi gang tay bằng vải màu đen, 01 chiếc mũ bằng vải màu đen che nửa mặt, A mang về cất ở nhà. Đến 18 giờ cùng ngày N bảo A mang chiếc xà cày giấu ở gần nhà anh D, đến ngày 29/4/2020 sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. A mang chiếc xà cày giấu ở hàng rào gỗ phía sau nhà anh D. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 29/4/2020 Bùi Văn N đến nhà D, thấy vợ chồng anh D không có nhà chỉ có cháu Bùi Thị N là con gái của anh D ở nhà. N rủ N đi chơi ở thác Lung Trời tại vườn quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. N đồng ý đi và rủ thêm Bùi Văn H đi cùng. N đi đến nhà A và nói với A “nhà chú D không có ai ở nhà, N đi chơi với anh, em đến lấy trộm tiền đi, làm nhanh xong đuổi theo bọn anh hoặc anh sẽ đón”. A đồng ý và mang theo 01 chiếc tua vít, đeo gang tay và đội mũ có khẩu trang đi đến nhà anh D.

A trèo lên tầng 2 nhà anh D rồi mở cửa sổ chui vào bên trong đến vị trí để kết sắt A sử dụng tua vít, xà cày và chiếc vam trên để cạy phá, mở khóa cửa của kết sắt, khi vừa mở được cửa kết thì A thấy N gọi điện thoại cho A hỏi “đã xong chưa” A trả lời “ mở được rồi nhiều tiền lắm” N bảo lấy hết đi. A đã lấy toàn bộ số tiền có trong két và 01 dây chuyền vàng, 01 đôi bông tai vàng, 01 dây chuyền bạc và cất vào trong túi quần, túi áo và trèo qua cửa sổ, đi về nhà theo đường cũ.

Khi về đến nhà A cất chiếc xà cày, tua vít và dùng lửa đốt đôi gang tay và chiếc mũ trùm đầu ở trong bếp nhà A. A lấy một tập tiền 10.000.000,đ từ số tiền lấy trộm được giấu vào trong chăn trên giường ngủ của A và gọi điện cho N

đón. H và N ra đón A ở Ngã ba Xuân Sơn. Khi gặp N, A lấy 02 tờ tiền mệnh giá 200.000,đ trong tập 200.000,đ mà A vừa trộm cắp được đưa cho N. N cầm tiền và mang đi mua đồ ăn đi chơi. Khi đi đến chỗ để xe đi bộ vào chỗ N, H, N nướng gà. N và A để cho H đi trước trên đường đi A đã đưa toàn bộ số tiền, vàng, bạc trộm cắp được của gia đình anh D cho N. Trước khi đưa A rút lại 01 tờ tiền 200.000,đ từ tập tiền 200.000,đ. N cất bọc tiền, vàng, bạc vào túi và tiếp tục đi chơi cùng mọi người.

Khoảng 16 giờ cùng ngày A và N đi về còn N rủ H sang xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ để chơi. N đưa H vào một quán phở để ăn, ăn xong N bảo H ngồi chờ tại quán N đi đến một cửa hàng vàng, bạc Khánh L tại khu trung tâm 1, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ để bán cho anh Đặng Văn E 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 dây chuyền vàng được 13.410.000,đ. Sau đó N chở H về thị trấn Phù Yên thuê phòng trọ tại khách sạn P. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày N bảo H ở lại khách sạn còn N đi đến cửa hàng vàng bạc Đạt H tại tiểu khu 2 thị trấn Phù Yên bán được 1.060.000đ.

Sáng ngày 30/4/2020 bà Đinh Thị G đã phát hiện trong chiếc chăn trên giường ngủ của A có 10.000.000đ, bà biết số tiền do A trộm cắp mà có nên đã đi nộp cho cơ quan điều tra.

Sau khi mất trộm tài sản, anh Bùi Văn D đã làm đơn trình báo gửi các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ vụ việc.

Ngày 02/5/2020 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ra quyết định G số 84 về trưng cầu giám định G số tiền 99.980.000đ.

Tại Kết luận số 836, ngày 02/6/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La Kết luận: số tiền gửi giám định trong vụ án Bùi Văn N là tiền thật.

Ngày 04/5/2020 Cơ quan CSĐT công an huyện Phù Yên đã ra quyết định G G giá tài sản đối với số tài sản bị trộm cắp là tiền và tài sản bị hủy hoại là 01 chiếc kết sắt nhà anh Bùi Văn D bị mất trộm ngày 29/4/2020.

Tại kết luận G giá tài sản số 09/ĐGTS, ngày 06/5/2020 của Hội đồng G giá tài sản của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La kết luận: 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp bị hủy hoại có giá trị 412.000,đ; 01 dây chuyền bằng vàng nặng 02 chỉ có trị giá 9.140.000,đ; 01 đôi bông tai bằng vàng nặng 01 chỉ có trị giá 4.670.000,đ; 01 chiếc dây chuyền bằng bạc nặng 2,92 cây có trị giá 1.610.000,đ.

Trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, người bị hại anh Bùi Văn D đã nhận đầy đủ số tiền mà bị cáo và gia đình đã bồi thường và tại phiên tòa người bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được xét xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chữa trị bệnh.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị G là mẹ của Bùi Văn A đề nghị xin lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, vỏ màu trắng, lắp sim thuê bao 0977503244, bà G cho rằng chiếc điện thoại trên là tiền của hai vợ chồng bà mua trả góp tại cửa hàng bán điện thoại để sử dụng, do Bùi Văn A mượn mang đi chơi và đã dùng vào hành vi trộm cắp tài sản, vợ chồng bà không biết A đã sử

dụng chiếc điện thoại trên vào việc trộm cắp tài sản, bà yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại để gia đình sử dụng.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 42/CT - VKS, ngày 30/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị cáo Bùi Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Giao bị cáo N cho UBND xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47; điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, lắp sim thuê bao 0869727856 thu giữ của Bùi Văn N;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tua vít cán bằng nhựa màu đen và 01 chiếc xà cày bằng thép phi 16, chiều dài 76 cm;

- Trả lại cho bà Đinh Thị G 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, vỏ màu trắng, lắp sim thuê bao 0977503244 thu giữ của Bùi Văn A;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy G của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi liên quan anh E, chị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa (tổng đạt trực tiếp) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của người có quyền lợi liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn A là người chưa thành niên, để đảm bảo quyền lợi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án có Hội thẩm nhân dân là nguyên giáo viên, có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi. Có sự tham gia của người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 29/4/2020 Bùi Văn N đã rủ rê Bùi Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản 87.000.000,đ tiền mặt, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 đôi hoa tai bằng vàng và 01 sợi dây chuyền bạc trong két sắt của anh Bùi Văn D. Tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 102.420.000đ (*Một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Xét tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Đơn trình báo mất tài sản của anh Bùi Văn D; Kết luận G giá số 09/ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng G giá tài sản huyện Phù Yên, Kết luận giám G số 836 ngày 02/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Sơn La.

Các tài liệu và lời khai nhận tội của các bị cáo; Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Lời khai của người bị hại; Lời khai của Bùi Văn A, Nguyễn Thị H, Đặng Văn E, Bùi Văn H, Đinh Thị G; Các tài liệu về việc tạm giữ, giao trả tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Bùi Văn N đã phạm tội Trộm cắp tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Bùi Văn N đã xúi giục Bùi Văn A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 102.420.000đ (*một trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt đến 07 năm tù, thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại, là một trong các nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác.

Bị cáo có Bùi Văn N không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo và

gia đình đã tích cực bồi thường và khắc phục thiệt hại, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại là tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo biết Bùi Văn A, sinh ngày 06/12/2004 (đến ngày phạm tội chưa đủ 18 tuổi) là người chưa thành niên nhưng có hành vi xúi giục, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, tuy nhiên hành vi của A chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó hành vi của bị cáo N không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động, không chịu khó tu chí làm ăn, lao động do đó cần xử phạt bị cáo hình phạt với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đang mắc bệnh viêm cầu thận, sức khỏe yếu, thường xuyên phải đi điều trị bệnh. Do vậy, cần giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: Xét điều kiện hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, không tài sản có giá trị, sức khỏe yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn D đã nhận lại tài sản bồi thường, không có đề nghị gì thêm cần chấp nhận.

Đối với Bùi Văn A, sinh ngày 06/12/2004, Nơi cư trú; xóm S, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Quá trình điều tra xác định A là đối tượng cùng bàn bạc, thống nhất với Bùi Văn N việc trộm cắp tài sản và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội phá kết sắt nhà anh Bùi Văn D. Tuy nhiên tính đến ngày phạm tội là ngày 29/4/2020 A mới 15 tuổi 04 tháng 23 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên đã ra Công văn số 188, ngày 17/6/2020 về việc thông báo hành vi vi phạm đối với Bùi Văn A và đề nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình chỉ đạo lập hồ sơ giáo dục tại xã đối với Bùi Văn A; Ngày 15/7/2020 Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình đã ban hành quyết G áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 09/QĐ – UBND đối với Bùi Văn A với thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 15/7/2020 là đúng quy G của pháp luật.

Đối với anh Đặng Văn E và chị Nguyễn Thị H là người mua vàng, bạc với N, quá trình trao đổi mua bán anh E, chị H không biết nguồn gốc tài sản do N trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý. Anh E sau khi mua vàng của bị cáo N và đã bán số vàng trên cho người khác để thu lại số tiền đã mua và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Chị H yêu cầu N phải trả số tiền 1.060.000,đ

chị đã bỏ ra để mua bạc. Ngày 07/6/2020 bị cáo N đã bồi thường cho chị H số tiền 1.060.000,đ.

Đối với Bùi Văn H là người đi cùng N quá trình điều tra, xác minh anh H không biết việc N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với hành vi hủy hoạt 01 chiếc kết sắt của Bùi Văn A, quá trình điều tra xác minh mục đích hủy hoạt chiếc kết là để lấy tiền, giá trị tài sản không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, anh Bùi Văn D đã nhận tiền bồi thường tài sản và không có đề nghị gì thêm.

[7] Về vật chứng vụ án: Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên đã trả lại cho anh Bùi Văn D số tiền bị trộm cắp bị thu giữ.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, lắp sim thuê bao số 0869.727.856, xác định là tài sản của bị cáo N, đã sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu trắng, lắp sim thuê bao số 0977.503.244m, xác định là tài sản của bà vợ chồng bà Đinh Thị G, do không biết việc con trai là Bùi Văn A sử dụng liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, do đó cần trả lại cho vợ chồng bà G ông B quản lý, sở hữu, sử dụng.

Đối 01 chiếc tua vít cán bằng nhựa màu đen và 01 chiếc xà cày bằng thép phi 16, xác định là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về hình phạt:* Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03 tháng 8 năm 2020).

Giao bị cáo Bùi Văn N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách

nhệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47; điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) phong bì thư mặt trước ghi “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, lắp sim thuê bao 0869727856, thu giữ của Bùi Văn N, mặt sau được niêm phong dán kín, bên trong phong bì đựng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model TA – 1010, vỏ màu đen, số IMEL: 352877105733898;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín niêm phong mặt trước ghi: 01 chiếc tua vít cán bằng nhựa màu đen, tang vật vụ Bùi Văn N trộm cắp tài sản, mặt sau được niêm phong dán kín bên trong đựng một chiếc tua vít dài 14cm, cán dài 8,5cm bằng nhựa màu đen, trục tua vít bằng kim loại có 02 đầu và 01 (Một) chiếc xà cày bằng thép phi 16, chiều dài 76 cm, trên thân có nhiều đường vân chéo cách đều nhau, được niêm phong dán kín;

- Trả lại cho bà Đinh Thị G và ông Bùi Văn B 01 (Một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên phát hành được dán kín niêm phong lại, mặt trước ghi: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, vỏ màu trắng, lắp sim thuê bao 0977503244, thu giữ của Bùi Văn A, mặt sau được niêm phong dán kín, bên trong phong bì đựng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7Plus, vỏ màu trắng, số IMEL: 359477081474022.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 51/BB – GNVC, ngày 01/7/2020 giữa cơ quan Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000,đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2020). Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Công an huyện Phù Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã M;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
Người đại diện HP;
- Lưu HS, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lương Anh